FDVN LAWFIRM

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ TẠI TỈNH LÀO CAI

Tổng hợp bởi luật sư FDVN

fdvn.vn/ fdvnlawfirm.vn/ Diendannghelaut.vn

MỤC LỤC

I. ĐIỀU KIỆN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ 3
1. Khái niệm về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã 3
2. Điều kiện phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã 3
3. Người có quyền nộp đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, bao gồm: 4
4. Xác định thẩm quyền của Tòa án có thẩm quyền mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã ... 5
II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP .. 7
Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ 7
Bước 2. Nộp hồ sơ thủ tục yêu cầu phá sản 8
Bước 3: Nộp lệ phí phá sản, chi phí phá sản 9
Bước 4: Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 10
Bước 5: Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản 10
Bước 6: Chỉ định quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản 13
Bước 7. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định tuyên bố phá sản 13
Bước 8: Kiểm kê tài sản, lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ 15
Bước 9. Hội nghị chủ nợ 17
Bước 10. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh 18
Bước 11. Thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 19
III. GIẢI ĐÁP CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VƯỚNG MẮC TRONG GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN 22
IV. THAM KHẢO TÀI LIỆU LIÊN QUAN 34
V. MẪU ĐƠN KÈM THEO 35

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ TẠI TỈNH LÀO CAI

I. ĐIỀU KIỆN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

1. Khái niệm về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Theo khoản 2 Điều 3 Luật phá sản 2014 thì "Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản". Và theo khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản 2014 thì "Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán".

Một số khái niệm khác liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 3 Luật Phá sản 2014 thì:

- Chủ nợ là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, bao gồm chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ có bảo đảm.

- Chủ nợ có bảo đảm là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba.

- Chủ nợ có bảo đảm một phần là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba mà giá trị tài sản bảo đảm thấp hơn khoản nợ đó.

- Quản tài viên là cá nhân hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản.

- Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản là doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán trong quá trình giải quyết phá sản.

- Người tiến hành thủ tục phá sản là Chánh án Tòa án nhân dân, Thẩm phán; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên; Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong quá trình giải quyết phá sản.

2. Điều kiện phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Theo quy định pháp luật để doanh nghiệp, hợp tác xã được Tòa án tuyên bố phá sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

Thứ nhất, không còn khả năng thanh toán khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày nợ đến hạn mà không còn khả năng thanh toán.[1]

Thứ hai, có người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tại Tòa án khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, chỉ những người theo luật định.[2]

Căn cứ vào Công văn số 199/TANDTC-PC ngày 18/12/2020 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong giải quyết phá sản thì doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có khoản nợ cụ thể, rõ ràng do các bên thừa nhận, thỏa thuận hoặc được xác định thông qua bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, hoặc được xác định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền và các bên không có tranh chấp về khoản nợ này.

- Khoản nợ đến hạn thanh toán.

Khoản nợ đến hạn thanh toán là khoản nợ đã được xác định rõ thời hạn thanh toán, mà đến thời hạn đó doanh nghiệp, hợp tác xã phải có nghĩa vụ trả nợ. Thời hạn thanh toán này được các bên thừa nhận, thỏa thuận hoặc được xác định thông qua bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại hoặc trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán bao gồm 02 trường hợp:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã không có tài sản để thanh toán các khoản nợ;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã có tài sản nhưng không thanh toán các khoản nợ.

Theo đó, "mất khả năng thanh toán" không có nghĩa là doanh nghiệp, hợp tác xã không còn tài sản để trả nợ; mặc dù doanh nghiệp, hợp tác xã còn tài sản để trả nợ nhưng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho chủ nợ thì vẫn coi là doanh nghiệp, hợp tác xã "mất khả năng thanh toán".

Cần lưu ý: Pháp luật hiện hành không quy định một mức khoản nợ cụ thể nào để xác định là doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán mà chỉ cần có đủ các điều kiện nêu trên.

3. Người có quyền nộp đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, bao gồm:[3]

[1] Khoản 1 Điều 5 Luật Phá Sản 2014.
[2] Điều 5 Luật Phá Sản 2014.
[3] Điều 5 Luật Phá Sản 2014.

1. Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2. Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

4. Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi công ty cổ phần mất khả năng thanh toán trong trường hợp Điều lệ công ty quy định.

6. Thành viên hợp tác xã hoặc người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

4. Xác định thẩm quyền của Tòa án có thẩm quyền mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Căn cứ vào Điều 8 Luật Phá sản năm 2014 được sửa đổi bởi Điều 4 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sả, Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 quy định Tòa phá sản Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có trụ sở chính trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh tổ của Tòa Phá sản Tòa án nhân dân khu vực đó.

Theo khoản 2 Điều 4 Nghị Quyết 81/NQ-UBTVQH15 thì: Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phá sản được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị;

c) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.

Như vậy, khi nộp đơn yêu cầu phá sản thì người nộp đơn cần xem xét doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu tuyên bố phá sản có trụ sở tại địa phương nào để nộp đơn tại Tòa án khu vực theo đúng thẩm quyền.

Ví dụ: Công ty X có trụ sở đăng ký kinh doanh tại tỉnh Lào Cai nay ông A – người đại diện Công ty X muốn nộp đơn đề nghị Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty X, thì thẩm quyền Tòa án giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản là Tòa án khu vực 2 – Hà Nội

Lưu ý: Theo khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP thì:

- Kể từ ngày 01/7/2025 Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện việc giải quyết phá sản mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý trước ngày 01/7/2025.

Ví dụ: Ngày 01/05/2025 ông A (người đại diện doanh nghiệp B) nộp đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp B tại Tòa án nhân dân tỉnh K, đến ngày 01/6/2025 đã được thụ lý, nay sau khi sát nhập thì Tòa án nhân dân tỉnh K vẫn còn hoạt động. Vậy Tòa án nhân dân tỉnh K tiếp tục giải quyết.

- Kể từ ngày 01/7/2025 Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản của Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý nhưng chưa giải quyết xong.

Ví dụ: Ngày 01/05/2025 ông A (người đại diện doanh nghiệp B) nộp đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp B tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai đến ngày 01/6/2025 đã được thụ lý, nay sau khi sát nhập thì Tòa án nhân dân huyện M đã chấm dứt hoạt động. Vậy trong trường hợp này Tòa án nhân dân khu vực 2 tại Đà Nẵng là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc phá sản trên.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ

Trường hợp 01: Chủ nợ nộp hồ sơ yêu cầu phá sản doanh nghiệp

Theo khoản 1 Điều 26 Luật Phá sản 2014 thì khi yêu cầu Tòa án nhân dân mở thủ tục phá sản, hồ sơ bao yêu cấu phá sản bao gồm:

+ Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải có các nội dung chủ yếu sau: Ngày, tháng, năm; Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản; Tên, địa chỉ của người làm đơn; Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản; Khoản nợ đến hạn.

+ Tài liệu, chứng cứ để chứng minh lương và các khoản nợ khác đến hạn;

+ Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Trường hợp 02: Người lao động, đại diện công đoàn nộp hồ sơ yêu cầu phá sản doanh nghiệp

Theo Điều 27 Luật Phá Sản 2014 hồ sơ chuẩn bị để thực hiện yêu cầu phá sản bao gồm:

+ Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, đơn thể hiện các nội sung sau: Ngày, tháng, năm; Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản; Tên, địa chỉ của người làm đơn; Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản;Tổng số tiền lương và các khoản nợ khác đã đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không trả cho người lao động.

+ Tài liệu, chứng cứ để chứng minh lương và các khoản nợ khác đến hạn;

+ Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Trường hợp 3: Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán đề nghị mở thủ tục phá sản

Theo Điều 28 Luật Phá Sản 2014 hồ sơ chuẩn bị để thực hiện yêu cầu phá sản bao gồm:

+ Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nội dung đơn gồm: Ngày, tháng, năm; Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản; Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã; Tên, địa chỉ của người làm đơn; Căn cứ yêu cầu mở thủ tục phá sản.

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm gần nhất. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động chưa đủ 03 năm thì kèm theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong toàn bộ thời gian hoạt động;

+ Bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh nghiệp, hợp tác xã mà vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán;

+ Bảng kê chi tiết tài sản, địa điểm có tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, trong đó phải ghi rõ tên, địa chỉ của chủ nợ, người mắc nợ, khoản nợ, khoản cho vay có bảo đảm, không có bảo đảm, có bảo đảm một phần đến hạn hoặc chưa đến hạn;

+ Các tài liệu kèm theo như giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, căn cước công dân người đại diện doanh nghiệp pháp luật…..

+ Trường hợp có đề xuất chỉ định quản tài viên thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ thông tin của họ.

<u>Trường hợp 4:</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần, thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã yêu cầu mở thủ tục phá sản

Theo Điều 29 Luật Phá Sản 2014 hồ sơ chuẩn bị để thực hiện yêu cầu phá sản bao gồm:

+ Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, nội dung đơn gồm: Ngày, tháng, năm; Tên Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết phá sản; Tên, địa chỉ của doanh nghiệp, hợp tác xã; Tên, địa chỉ của người làm đơn; Căn cứ yêu cầu mở thủ tục phá sản.

+ Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm gần nhất. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và hoạt động chưa đủ 03 năm thì kèm theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong toàn bộ thời gian hoạt động (nếu có);

+ Bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh nghiệp, hợp tác xã mà vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán(nếu có);

+ Bảng kê chi tiết tài sản, địa điểm có tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có);

+ Danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, trong đó phải ghi rõ tên, địa chỉ của chủ nợ, người mắc nợ, khoản nợ, khoản cho vay có bảo đảm, không có bảo đảm, có bảo đảm một phần đến hạn hoặc chưa đến hạn (nếu có);

+ Các tài liệu kèm theo như giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, căn cước công dân người đại diện doanh nghiệp pháp luật (nếu có);

+ Trường hợp có đề xuất chỉ định quản tài viên thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ thông tin của họ.

Bước 2. Nộp hồ sơ thủ tục yêu cầu phá sản

- Phương thức nộp hồ sơ:

Căn cứ theo Điều 30 Luật Phá Sản 2014 thì có thể nộp hồ yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản qua các phương thức sau đây:

+ Nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân;

+ Gửi đến Tòa án nhân dân qua bưu điện.

Ngày nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được tính từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

Bước 3: Nộp lệ phí phá sản, chi phí phá sản

Căn cứ vào Điều 38 Luật Phá Sản thì sau khi Đơn yêu cầu phá sản và hồ sơ kèm theo đảm bảo theo quy định thì Tòa án sẽ xem xét đơn yêu cầu và xử lý:

Trường hợp 01: Trường hợp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản về việc nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

+ Lệ phí phá sản là: 1.5000.000 đồng[4]

+ Tạm ứng chi phí phá sản: Do Tòa án tính toán quyết định theo quy định pháp luật.[5]

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải thực hiện việc nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản như sau:

a) Nộp lệ phí phá sản cho cơ quan thi hành án dân sự;

b) Nộp tạm ứng chi phí phá sản vào tài khoản do Tòa án nhân dân mở tại ngân hàng.

Trường hợp 02: Trường hợp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không đủ các nội dung nêu trên thì Thẩm phán thông báo cho người nộp đơn sửa đổi, bổ sung đơn.

Trường hợp 03: Tòa án chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khác.

Trường hợp 04: Tòa án trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản nếu xảy ra một trong các trường hợp: (i) Người nộp đơn không đúng theo quy định tại Điều 5 Luật phá sản; (ii) Người nộp đơn không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 34 của Luật Phá sản; (iii) Tòa án nhân dân khác đã mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; (iv) Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Phá sản và (v) Người nộp đơn không nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản.

Lưu ý: Căn cứ theo khoản 1 Điều 105 Luật Phá sản 2014 thì trong trường hợp mà doanh nghiệp không còn khả năng thanh toán, sau khi thụ lý mà không còn tài sản để thanh toán chi phí phá sản thì Tòa án có thể giải quyết theo thủ tục rút gọn. Theo quy định tại khoản 3 Điều

[4] Điều 40 Nghị Quyết 326/2016/UBNDTVQH14
[5] Điều 12, 23 Luật Phá Sản 2014

105 Luật Phá Sản 2014 thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày thụ lý Đơn yêu cầu phá sản thì Tòa án có thể tuyên bố phá sản doanh nghiệp/hợp tác xã bị yêu cầu phá sản.

Nếu Tòa án không đồng ý thực hiện theo thủ tục rút gọn thì sẽ tiến hành theo các bước tiếp theo như sau:

Bước 4: Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Theo Điều 39, Điều 40, Điều 41 Luật Phá sản 2014 thì:

- Trường hợp nộp lệ phí, tạm ứng chi phí phá sản: Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi nhận được biên lai nộp lệ phí phá sản, biên lai nộp tạm ứng chi phí phá sản.

- Trường hợp không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản: Thời điểm thụ lý được tính từ ngày Tòa án nhân dân nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý, Toà án thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn biết. Trong đó, trường hợp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nộp đơn thì Toà án phải thông báo cho các chủ nợ mà doanh nghiệp cung cấp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân thụ lý vụ việc phá sản thì Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạm đình chỉ thực hiện nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán: nghĩa vụ thi hành án, đình chỉ việc giải quyết vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động có liên quan đến nghĩa vụ tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự.

Bước 5: Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

Theo Điều 42, Điều 43 Luật Phá sản 2014 thì:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Thẩm phán phải ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, trừ trường hợp quy định tại Điều 105 Luật phá sản 2014 về tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn.

- Trường hợp mở thủ tục phá sản: Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm phán có thể triệu tập phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

- Trường hợp không mở thủ tục phá sản: Tòa án nhân dân ra quyết định không mở thủ tục phá sản nếu xét thấy doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán. Trong trường hợp này, người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được trả lại tiền tạm ứng chi phí phá sản; yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản đã bị tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 41 của Luật Phá sản 2014 được tiếp tục giải quyết.

Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản được gửi đến người nộp đơn, doanh nghiệp, các cơ quan liên quan **trong thời hạn 03 ngày làm việc** kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Lưu ý:

Theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2015/TT-CA thì: Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm của Tòa án nhân dân đang giải quyết vụ việc phá sản phải ban hành quyết định thành lập Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán và giao cho một Thẩm phán làm Tổ trưởng trong trường hợp tính chất, vụ việc cần thành lập Tổ thẩm phán. Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật phá sản được thành lập ở Tòa án nhân dân khu vực để giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.Trong thời hạn giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Chánh án Tòa án nhân dân khu vực căn cứ vào tính chất của vụ việc phá sản quyết định thành lập Tổ Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

- Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản

Theo Điều 44 Luật Phá sản 2014 thì:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị xem xét lại, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

2. Ngay sau khi nhận được đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân đã ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp giải quyết.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản kèm theo đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp chỉ định Tổ Thẩm phán gồm 03 Thẩm phán xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị và gửi hồ sơ vụ việc phá sản cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Theo khoản 2 Điều 3 Thông tư số 05/2025/TT-TANDTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2015/TT-CA thì: Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập để giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân khu vực. Tổ Thẩm phán do Tòa án nhân dân cấp tỉnh thành lập để giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân khu vực. Tổ thẩm phán sẽ do Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền quy định ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm phán gồm 03 Thẩm phán và giao cho một Thẩm phán làm Tổ trưởng.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Tòa án nhân dân chuyển đến, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải trả lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ việc phá sản do Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trả lại, Tổ Thẩm phán phải tổ chức phiên họp để xem xét, giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị.

6. Phiên họp của Tổ Thẩm phán có Viện kiểm sát nhân dân tham gia và có Thư ký Tòa án nhân dân ghi biên bản phiên họp. Trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập người khác để hỏi thêm về những vấn đề chưa rõ.

7. Tổ Thẩm phán có quyền ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

b) Hủy quyết định không mở thủ tục phá sản và giao cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản;

c) Hủy quyết định mở thủ tục phá sản và thông báo cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định mở thủ tục phá sản và những người tham gia thủ tục phá sản.

8. Quyết định của Tổ Thẩm phán là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

Theo Thông báo số 199/TANDTC-PC về kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong giải quyết phá sản của Tòa án nhân dân tối cao thì Luật Phá sản không quy định cụ thể về trường hợp Tòa án cấp trên có quyết định giữ nguyên quyết định không mở thủ tục phá sản thì sau bao lâu người có quyền, nghĩa vụ được nộp lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Do đó, trong bất kỳ khoảng thời gian nào, nếu xác định doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị mất khả năng thanh toán, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được nộp lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó. Tùy từng trường hợp mà Tòa án xem xét đơn yêu cầu, các điều kiện khác theo quy định của Luật Phá sản để xử lý đơn, thụ lý đơn và quyết định việc mở hoặc không mở thủ tục phá sản. Đối với trường hợp này, Tòa án cần tham khảo các tài liệu chứng cứ về hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã kể từ sau khi có quyết định của Tòa án cấp trên giữ nguyên quyết định không mở thủ tục phá sản như báo cáo thuế, báo cáo tài chính...

Lưu ý: Theo khoản 4 Điều 2 và khoản 4 Điều 3 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 thì:

Kể từ ngày 01/7/2025 Tòa án nhân dân tối cao tiếp nhận nhiệm vụ và có thẩm quyền giải quyết: Đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục đặc biệt; Đề nghị xem xét lại

việc chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản mà Tòa án nhân dân cấp cao đã nhận đơn trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong; Đề nghị xem xét lại việc chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, kể từ ngày 01/7/2025 Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sau đây: Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà Tòa án nhân dân cấp cao đã nhận đơn trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Bước 6: Chỉ định quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Theo Điều 45, 47, 48 Luật phá sản 2014 thì:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra **quyết định mở thủ tục phá sản**, Thẩm phán có trách nhiệm chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

- Doanh nghiệp sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của Thẩm phán và Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Đồng thời bị cấm các hoạt động sau:

a) Cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;

b) Thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại điểm c khoản 1 Điều 49 của Luật này;

c) Từ bỏ quyền đòi nợ;

d) Chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Bước 7. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định tuyên bố phá sản

(Chương IV Luật Phá sản 2014)

- Thứ tự phân chia tài sản

Theo Điều 54 Luật Phá sản 2014 thì thứ trự phân chia tài sản như sau:

a) Chi phí phá sản;

b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

c) Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

d) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

- Xác định tiền lãi đối với khoản nợ *(Điều 52 Luật Phá sản 2014):* Kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, các khoản nợ được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận nhưng được tạm dừng việc trả lãi. Kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì khoản nợ không được tiếp tục tính lãi.

- Xử lý khoản nợ có đảm bảo

Theo Điều 53 Luật Phá sản 2014 thì**:**

1. Sau khi mở thủ tục phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề xuất Thẩm phán về việc xử lý khoản nợ có bảo đảm đã được tạm đình chỉ.

a) Trường hợp tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ;

b) Trường hợp không thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì xử lý theo thời hạn quy định trong hợp đồng đối với hợp đồng có bảo đảm đã đến hạn. Đối với hợp đồng có bảo đảm chưa đến hạn thì trước khi tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án nhân dân đình chỉ hợp đồng và xử lý các khoản nợ có bảo đảm. Việc xử lý khoản nợ có bảo đảm theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề nghị Thẩm phán cho xử lý ngay tài sản bảo đảm đó theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó;

b) Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trả lại tài sản nhận bảo đảm *(Điều 57 Luật Phá sản 2014*)**:** Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán chỉ trả lại tài sản nhận bảo đảm cho cá nhân, tổ chức đã giao tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp, hợp tác xã trước khi Tòa án nhân dân mở thủ tục phá sản trong trường hợp cá nhân, tổ chức đó đã thực hiện nghĩa vụ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản (Điều 56 Luật Phá sản 2014): Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết

định tuyên bố phá sản, chủ sở hữu tài sản cho doanh nghiệp, hợp tác xã thuê hoặc mượn để dùng vào hoạt động kinh doanh phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, hợp đồng cho thuê hoặc cho mượn với cơ quan thi hành án dân sự để nhận lại tài sản của mình.Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã trả trước tiền thuê nhưng chưa hết thời hạn thuê thì người cho thuê chỉ được nhận lại tài sản sau khi đã thanh toán số tiền thuê tương ứng với thời gian thuê còn lại để cơ quan thi hành án dân sự nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó.Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã chuyển nhượng tài sản thuê hoặc mượn cho người khác mà không đòi lại được thì người cho thuê hoặc cho mượn có quyền yêu cầu bồi thường đối với tài sản đó như khoản nợ không có bảo đảm.

- **Nhận lại hàng hóa đã bán** (Điều 58 Luật Phá sản 2014): Người bán đã gửi hàng hóa cho người mua là doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nhưng chưa được thanh toán và người mua cũng chưa nhận được hàng hóa thì người bán được nhận lại hàng hóa đó. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán đã nhận hàng hóa đó và không thể trả lại được thì người bán trở thành chủ nợ không có bảo đảm.

(ii) Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán (Điều 65 Luật Phá sản 2014)**:**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó.

(iii) Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán (Điều 69 Luật Phá sản 2014): Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán cho người khác vay tài sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng chưa đăng ký thì doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện ngay việc đăng ký.

Bước 8: Kiểm kê tài sản, lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ

Theo Điều 65, 67, 68 Luật Phá sản 2014 thì:

- Đối với việc kiểm kê tài sản:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó; trong trường hợp cần thiết thì phải có văn bản đề nghị Thẩm phán gia hạn, nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. Việc xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã vắng mặt thì người được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ định làm đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

3. Bảng kiểm kê tài sản đã được xác định giá trị phải gửi ngay cho Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản.

4. Trường hợp xét thấy việc kiểm kê, xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã quy định tại khoản 1 nêu trên là không chính xác thì Tòa án nhân dân yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức kiểm kê, xác định lại giá trị một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Giá trị tài sản được xác định, định giá theo giá thị trường tại thời điểm kiểm kê.

5. Trường hợp đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã và những người khác không hợp tác về việc kiểm kê tài sản hoặc cố tình làm sai lệch việc kiểm kê tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc lập danh sách chủ nợ và người mắc nợ

+ Lập danh sách chủ nợ

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn gửi giấy đòi nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách chủ nợ, thu thập tài liệu liên quan đến khoản nợ và niêm yết công khai danh sách chủ nợ. Danh sách chủ nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của chủ nợ hoặc đại diện chủ nợ, số nợ của mỗi chủ nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

2. Danh sách chủ nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản, trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và đăng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân và phải gửi cho chủ nợ đã gửi giấy đòi nợ trong 10 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết, chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có quyền đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách chủ nợ. Trường hợp bất khả kháng hoặc có trở ngại khách quan thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại, Thẩm phán phải xem xét, giải quyết đề nghị, nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách chủ nợ

+ Lập danh sách người mắc nợ

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách những người mắc nợ doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Danh sách người mắc nợ phải ghi rõ tên, địa chỉ, quốc tịch, căn cước của người mắc nợ hoặc đại diện người mắc nợ, số nợ của mỗi người mắc nợ, trong đó phân định rõ khoản nợ có bảo đảm, nợ không có bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, danh sách người mắc nợ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tiến hành thủ tục phá sản,

trụ sở chính của doanh nghiệp, hợp tác xã và phải gửi cho người mắc nợ trong 10 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn niêm yết, người mắc nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán có quyền đề nghị Thẩm phán xem xét lại danh sách người mắc nợ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xem xét lại, Thẩm phán phải xem xét, giải quyết đề nghị, nếu thấy đề nghị có căn cứ thì sửa đổi, bổ sung vào danh sách người mắc nợ.

Bước 9. Hội nghị chủ nợ (Chương IV Luật Phá sản 2014)

(i) Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm kê tài sản trong trường hợp việc kiểm kê tài sản kết thúc sau việc lập danh sách chủ nợ hoặc kể từ ngày kết thúc việc lập danh sách chủ nợ trong trường hợp việc kiểm kê tài sản kết thúc trước việc lập danh sách chủ nợ, trừ trường hợp không phải tổ chức Hội nghị chủ nợ trong trường hợp tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn.

Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc Hội nghị, Thẩm phán phải gửi Thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ và tài liệu khác có liên quan cho người có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ.

Phương thức gửi thông báo: giao trực tiếp, thư bảo đảm, thư thường, fax, telex, thư điện tử hoặc bằng phương thức khác có ghi nhận việc gửi này.

(Điều 75 Luật phá sản 2014)

(ii) Trong trường hợp Hội nghị chủ nợ lần 1 bị hoãn, Thẩm phán phải triệu tập lại Hội nghị chủ nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngãy hoãn Hội nghị chủ nợ lần 1.

Trường hợp triệu tập lại Hội nghị chủ nợ theo quy định tại khoản 2 Điều này mà vẫn không đáp ứng quy định tại Điều 79 của Luật này thì Thẩm phán lập biên bản và quyết định tuyên bố phá sản.

(Điều 80 Luật phá sản 2014)

(iii) Hội nghị chủ nợ có quyền đưa ra Nghị quyết có một trong các kết luận sau:

a) Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 86 của Luật này;

b) Đề nghị áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Đề nghị tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trường hợp Hội nghị chủ nợ không thông qua được Nghị quyết thì Tòa án nhân dân tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

(Điều 83 Luật phá sản 2014)

(iv) Gửi Nghị quyết Hội nghị chủ nợ *(Điều 84 Luật phá sản 2014)*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức Hội nghị chủ nợ, Tòa án nhân dân gửi Nghị quyết Hội nghị chủ nợ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ.

(v) Đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ (Điều 85 Luật phá sản 2014)

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ có quyền gửi đơn đề nghị, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân đang giải quyết phá sản xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, kiến nghị, Chánh án Tòa án nhân dân đang giải quyết phá sản xem xét và ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đề nghị, kiến nghị;

b) Tổ chức lại Hội nghị chủ nợ.

- Quyết định giải quyết này là quyết định cuối cùng.

(vi) Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản (Điều 86 Luật phá sản 2014)

Kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản đến trước ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán thì Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản.

Bước 10. Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh (Chương VII Luật Phá sản 2014)

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh và gửi cho Thẩm phán, chủ nợ, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cho ý kiến.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Thẩm phán xem xét trước khi đưa phương án ra Hội nghị chủ nợ xem xét thông qua.

(Điều 87 Luật phá sản 2014)

(i) Nội dung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh: (Điều 88 Luật phá sản 2014)

- Các biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh;

- Các điều kiện, thời hạn và kế hoạch thanh toán các khoản nợ.

(ii) Triệu tập hội nghị chủ nợ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định đưa phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán ra Hội nghị chủ nợ, Thẩm phán triệu tập Hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. *(Khoản 1 Điều 91 Luật phá sản 2014).*

(iii) Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ:

- Thông qua nghị quyết phương án phục hồi hoạt động kinh doanh khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành.

- Không thông qua nghị quyết: Tòa án nhân dân tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ.

(iv) Công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ (Điều 92 Luật phá sản 2014)

Tòa án nhân dân gửi quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, chủ nợ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Nghị quyết này có hiệu lực đối với tất cả người tham gia thủ tục phá sản có liên quan.

(v) Đình chỉ thủ tục phục hồi kinh doanh

(Điều 95, 96 Luật Phá sản 2014):

Thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã đã thực hiện xong phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Hậu quả pháp lý: Doanh nghiệp được coi là không còn mất khả năng thanh toán. Thẩm phán phụ trách giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản có trách nhiệm ra thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

Hậu quả pháp lý: Thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

c) Hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn mất khả năng thanh toán.

Hậu quả pháp lý: Thẩm phán ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Bước 11. Thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

(Chương XII Luật Phá sản 2014)

(i) Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, phân công chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản (Khoản 1 Điều 120 Luật phá sản 2014)

(ii) Sau khi nhận được quyết định phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Mở một tài khoản tại ngân hàng đứng tên cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản để gửi các khoản tiền thu hồi được của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

b) Giám sát Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản;

c) Thực hiện cưỡng chế để thu hồi tài sản, giao tài sản cho người mua được tài sản trong vụ việc phá sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự;

d) Sau khi nhận được báo cáo của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về kết quả thanh lý tài sản, Chấp hành viên thực hiện phương án phân chia tài sản theo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.

Chấp hành viên yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản.

(Khoản 2 Điều 120 Luật phá sản 2014)

- Định giá tài sản: (Điều 122 Luật phá sản 2014)

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

- Bán tài sản (Điều 124 Luật phá sản 2014)

+ Hình thức bán tài sản: Bán đấu giá hoặc Bán không qua thủ tục đấu giá.

+ Thời hạn thực hiện bán đấu giá: 30 ngày đối với động sản, 45 ngày đối với bất động sản.

+ Thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

- Thu hồi tài sản trong trường hợp có vi phạm: (Điều 125 Luật phá sản 2014)

Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Chấp hành viên đề nghị Tòa án nhân dân ra quyết định thu hồi lại tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã do thực hiện giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 59 của Luật này. Việc thu hồi tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

(iii) Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản trong trường hợp (Điều 126 Luật phá sản 2014)

- Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản không có tài sản để thanh lý, phân chia;

- Hoàn thành việc phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản;

- Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Tòa án nhân dân đã giải quyết phá sản và thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

(iv) Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản (Điều 127 Luật phá sản 2014)

- Sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà phát hiện giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 59 của Luật Phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân tuyên bố giao dịch vô hiệu, xử lý hậu quả của giao dịch vô hiệu và phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 của Luật này.

- Sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà phát hiện tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã chưa chia thì Tòa án nhân dân đã tuyên bố phá sản xem xét và quyết định phân chia tài sản theo thứ tự sau (Điều 54 Luật Phá sản 2014):

a) Chi phí phá sản;

b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

c) Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;

d) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

- Sau khi đã thanh toán xong các khoản trên, tài sản còn lại sẽ thuộc về:

a) Thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên;

b) Chủ doanh nghiệp tư nhân;

c) Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

d) Thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, cổ đông của công ty cổ phần;

đ) Thành viên của Công ty hợp danh.

III. GIẢI ĐÁP CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN VƯỚNG MẮC TRONG GIẢI QUYẾT PHÁ SẢN

Theo Công văn số 199/TANDTC-PC ngày 18/12/2020 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong giải quyết phá sản thì doanh nghiệp, hợp tác xã thì:

1. Thế nào là *"tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán"* quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản thì *"Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán."*

Căn cứ vào quy định trên thì doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có khoản nợ cụ thể, rõ ràng do các bên thừa nhận, thỏa thuận hoặc được xác định thông qua bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, hoặc được xác định trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền và các bên không có tranh chấp về khoản nợ này.

- Khoản nợ đến hạn thanh toán.

Khoản nợ đến hạn thanh toán là khoản nợ đã được xác định rõ thời hạn thanh toán, mà đến thời hạn đó doanh nghiệp, hợp tác xã phải có nghĩa vụ trả nợ. Thời hạn thanh toán này được các bên thừa nhận, thỏa thuận hoặc được xác định thông qua bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại hoặc trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán bao gồm 02 trường hợp:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã không có tài sản để thanh toán các khoản nợ;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã có tài sản nhưng không thanh toán các khoản nợ.

Theo đó, "*mất khả năng thanh toán*" không có nghĩa là doanh nghiệp, hợp tác xã không còn tài sản để trả nợ; mặc dù doanh nghiệp, hợp tác xã còn tài sản để trả nợ nhưng đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho chủ nợ thì vẫn coi là doanh nghiệp, hợp tác xã *"mất khả năng thanh toán"*.

Cần lưu ý: Pháp luật hiện hành không quy định một mức khoản nợ cụ thể nào để xác định là doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán mà chỉ cần có đủ các điều kiện nêu trên.

2. Trường hợp người yêu cầu mở thủ tục phá sản không phải nộp tiền tạm ứng chi phí phá sản thì Tòa án sử dụng khoản tiền nào để chi trả cho cho các khoản chi phí khi tiến hành phá sản doanh nghiệp?

Theo quy định tại Điều 22 và khoản 2 Điều 23 Luật Phá sản thì người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn không phải nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 105 Luật Phá sản.

Khoản 2 Điều 5 Luật Phá sản quy định người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Khoản 6 Điều 9, các điểm e, g khoản 1 Điều 16, khoản 3 Điều 23 Luật Phá sản quy định theo đề nghị của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì Thẩm phán có quyền quyết định giao cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản.

Từ các quy định nêu trên, trường hợp người yêu cầu mở thủ tục phá sản không phải nộp tiền tạm ứng chi phí phá sản thì Tòa án giao cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán một số tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán để bảo đảm chi phí phá sản.

Tuy nhiên, thực tiễn xảy ra vướng mắc như sau: Để thực hiện việc bán tài sản thì Quản tài viên phải thực hiện việc định giá tài sản, bán đấu giá tài sản. Vậy chi phí cho việc thực hiện các công việc này được lấy từ đâu?

Vấn đề này chưa được pháp luật quy định. Trong khi chờ sửa luật, các Tòa án có thể cân nhắc các giải pháp tạm thời như sau:

Thứ nhất, Tòa án có thể đề nghị tổ chức định giá tài sản, bán đấu giá tài sản thực hiện việc định giá tài sản, bán đấu giá tài sản trước. Sau khi bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp xong sẽ thanh toán chi phí định giá, bán đấu giá tài sản cho tổ chức định giá tài sản, bán đấu giá tài sản.

Thứ hai, Tòa án có thể phối hợp, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tạm ứng chi phí cho việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Sau khi bán đấu giá tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã xong sẽ hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh số tiền đã tạm ứng.

3. Thẩm phán đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã có phải từ chối tham gia giải quyết phá sản đối với chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó khi vụ việc phá sản được thụ lý lại không?

Thẩm phán đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã trước đó không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Phá sản "*đã tham gia ra quyết định tuyên bố phá sản đối với vụ việc phá sản đó*" và cũng không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi khác theo quy định tại Điều 10 Luật Phá sản. Vì vậy, trường hợp này Thẩm phán không phải từ chối tham gia giải quyết vụ việc phá sản.

4. Trường hợp sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản mà thấy rằng số tiền tạm ứng chi phí phá sản do người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản nộp không đủ thì Tòa án có yêu cầu người nộp đơn nộp bổ sung tiền tạm ứng chi phí phá sản nữa không?

"Tạm ứng chi phí phá sản là khoản tiền do Tòa án nhân dân quyết định để đăng báo, tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản" (khoản 14 Điều 4 Luật Phá sản).

"Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải nộp tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn quy định tại khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 1 Điều 105 của Luật Phá sản." (khoản 2 Điều 23 Luật Phá sản).

Như vậy, việc nộp tạm ứng chi phí phá sản là nghĩa vụ bắt buộc của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi họ nộp đơn và khoản tiền tạm ứng do Tòa án quyết định chỉ là dự tính ban đầu để có căn cứ cho người yêu cầu nộp (khoản 1 Điều 38 Luật Phá sản) trên cơ sở quy định tại Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ về chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Do vậy, trong quá trình giải quyết phá sản nếu xét thấy phát sinh các chi phí tiếp theo để Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoạt động giải quyết phá sản thì Tòa án có quyền yêu cầu người nộp đơn phải tiếp tục nộp tạm ứng chi phí phá sản.

Nếu người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không nộp bổ sung tạm ứng chi phí phá sản thì căn cứ vào các quy định tại điểm e khoản 1 Điều 16, khoản 6 Điều 9 và khoản 3 Điều 23 Luật Phá sản, Thẩm phán tự mình hoặc theo yêu cầu của Quản tài viên quyết định việc bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi mở thủ tục phá sản để bảo đảm chi phí phá sản và giao cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản bán một số tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán để bảo đảm trả đủ chi phí phá sản.

5. Theo quy định tại Điều 38 Luật Phá sản thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, Tòa án nhân dân dự tính số tiền tạm ứng chi phí phá sản và thông báo cho người yêu cầu mở thủ tục phá sản để nộp tạm ứng chi phí phá sản. Căn cứ để Tòa án tính tạm ứng chi phí phá sản như thế nào?

"Tạm ứng chi phí phá sản là khoản tiền do Tòa án nhân dân quyết định để đăng báo, tạm ứng chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản" (khoản 14 Điều 4 Luật Phá sản).

"... Tòa án nhân dân dự tính số tiền tạm ứng chi phí phá sản..." (khoản 1 Điều 38 Luật Phá sản).

Như vậy, tùy từng vụ việc phá sản, Tòa án căn cứ mức thu lệ phí của Báo địa phương, thực tế tại địa phương về hoạt động của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và trên cơ sở quy định tại Điều 21 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ về chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để quyết định số tiền tạm ứng chi phí phá sản, trong đó có khoản tiền tạm ứng ban đầu cho Quản tài viên.

6. Trường hợp bán một phần tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phá sản thì khoản tiền đó được gửi vào tài khoản của Tòa án hay của Quản tài viên?

Pháp luật phá sản chưa quy định Tòa án sử dụng tài khoản nào để quản lý số tiền bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phá sản. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Luật Phá sản thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc nộp tạm ứng chi phí phá sản, người yêu cầu phải "nộp tạm ứng chi phí phá sản vào tài khoản do Tòa án nhân dân mở tại ngân hàng". Vì vậy, áp dụng tương tự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 khi bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm chi phí phá sản thì tiền bán tài sản được chuyển vào tài khoản do Tòa án mở theo điểm b khoản 2 Điều 38 nêu trên.

7. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Luật Phá sản thì tiền tạm ứng chi phí phá sản được nộp vào tài khoản do Tòa án nhân dân mở tại ngân hàng. Vậy Tòa án

nhân dân mở một tài khoản chung dùng cho tất cả các vụ việc phá sản hay phải mở một tài khoản riêng cho từng vụ việc phá sản?

Sau khi được phân công giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và xem xét thấy đơn yêu cầu hợp lệ, Thẩm phán có thể quyết định mở một tài khoản riêng tại ngân hàng để quản lý các khoản tiền gửi vào (tiền tạm ứng chi phí phá sản, tiền bán tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã...) và quyết định việc rút tiền để thanh toán các chi phí như: chi phí Quản tài viên, chi phí kiểm toán, chi phí đăng báo và các chi phí khác phát sinh.

Như vậy, đối với mỗi vụ việc phá sản, Tòa án nên có một tài khoản riêng để dễ quản lý các chi phí liên quan đến từng vụ việc phá sản. Kết thúc vụ việc phá sản thì Tòa án phải đóng tài khoản đó.

8. Trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản chỉ nộp lệ phí phá sản mà không nộp tạm ứng chi phí phá sản thì phải giải quyết như thế nào?

Theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Luật Phá sản thì nộp lệ phí phá sản và tạm ứng chi phí phá sản là nghĩa vụ của người nộp đơn (trừ trường hợp họ không phải nộp). Điều 39 Luật Phá sản quy định: *"Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản sau khi nhận được biên lai nộp lệ phí phá sản, biên lai nộp tạm ứng chi phí phá sản."*

Như vậy, việc nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản và biên lai nộp lệ phí phá sản, biên lai nộp tạm ứng chi phí phá sản cho Tòa án là hai điều kiện bắt buộc để Tòa án thụ lý phá sản (Điều 39 Luật Phá sản).

Người nộp đơn yêu cầu thuộc trường hợp phải nộp lệ phí và tạm ứng chi phí phá sản mà họ chỉ nộp lệ phí phá sản mà không nộp tạm ứng chi phí phá sản, hoặc không nộp biên lai (chứng cứ khác) về việc nộp hai khoản trên thì Tòa án trả lại đơn cho họ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 Luật Phá sản.

9. Trường hợp "Quyết định mở thủ tục phá sản" bị Tòa án cấp trên hủy thì tiền tạm ứng chi phí phá sản có được hoàn trả lại cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản không?

Theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Phá sản thì Tòa án quyết định việc hoàn trả tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Phá sản.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 42 Luật Phá sản, trường hợp Tòa án ra quyết định không mở thủ tục phá sản thì người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được trả lại tiền tạm ứng chi phí phá sản.

Việc quyết định mở thủ tục phá sản bị Tòa án cấp trên hủy đồng nghĩa với việc Tòa án đã quyết định không mở thủ tục phá sản. Do đó, trong trường hợp này người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được trả lại tiền tạm ứng chi phí phá sản, trừ trường hợp họ vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Phá sản.

Khi Tổ Thẩm phán giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản ra quyết định hủy quyết định mở thủ tục phá sản thì phải xem xét, giải quyết luôn việc quyết định hoàn trả tiền tạm ứng chi phí phá sản cho người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

10. Khi giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản, Tòa án có chấp nhận việc doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ nợ hoặc con nợ mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ không?

Khoản 8 Điều 18 Luật Phá sản quy định quyền, nghĩa vụ của người tham gia thủ tục phá sản như sau: *"Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình"*. Khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc chủ nợ, con nợ có đề nghị Tòa án để luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ thì Tòa án phải làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

11. Chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, người lao động, đại diện công đoàn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì có phải gửi kèm Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã hay không?

Người có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo khoản 1, khoản 2 Điều 5 Luật Phá sản chỉ phải nộp:

"Kèm theo đơn phải có chứng cứ chứng minh khoản nợ đến hạn" đối với chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần (khoản 2 Điều 26 Luật Phá sản).

"Kèm theo đơn phải có chứng cứ để chứng minh lương và các khoản nợ khác đến hạn" đối với người lao động, đại diện công đoàn (khoản 2 Điều 27 Luật Phá sản).

Do vậy, họ không bắt buộc phải gửi kèm Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã.

12. Trường hợp Tòa án đã thụ lý giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp nhưng trong quá trình giải quyết phá sản, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp vắng mặt (không có mặt tại địa phương) do doanh nghiệp đã dừng hoạt động từ lâu, chủ nợ cũng không biết họ ở đâu thì giải quyết như thế nào?

Khoản 2 Điều 16 Luật Phá sản quy định: Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không có người đại diện theo pháp luật.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 65 Luật Phá sản quy định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản sẽ chỉ định một người làm đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Như vậy, trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã mà người đại diện theo pháp luật vắng mặt thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản là đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã đó hoặc chỉ định một người làm đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã.

13. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đang thi hành bản án, quyết định của Tòa án, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành án và tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã là tài sản của bên thứ ba (không phải là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã). Vậy sau khi Tòa án thụ lý vụ việc phá sản/mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đó thì Cơ quan thi hành án dân sự có phải tạm đình chỉ/đình chỉ thi hành án đối với tài sản bảo đảm của bên thứ ba hay không?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Phá sản thì cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ thi hành án dân sự về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã là người phải thi hành án, trừ bản án, quyết định buộc doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bồi thường về

tính mạng, sức khỏe, danh dự hoặc trả lương cho người lao động. Như vậy, trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải tạm đình chỉ thi hành án dân sự đối với tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã đó mà không phân biệt đó có phải là tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hay không.

Trường hợp nghĩa vụ phải thi hành án là tài sản của người thứ ba có liên quan đến khoản nợ xấu của các tổ chức tín dụng thì được giải quyết theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21-6-2017 và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

14. Sau khi Tòa án nhân dân cấp trên trực tiếp giữ nguyên quyết định không mở thủ tục phá sản thì người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có được nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản lại đối với chính doanh nghiệp đó không? Nếu có thì sau bao lâu được nộp lại đơn?

Luật Phá sản không quy định cụ thể về trường hợp Tòa án cấp trên có quyết định giữ nguyên quyết định không mở thủ tục phá sản thì sau bao lâu người có quyền, nghĩa vụ được nộp lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Do đó, trong bất kỳ khoảng thời gian nào, nếu xác định doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị mất khả năng thanh toán, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được nộp lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó.

Tùy từng trường hợp mà Tòa án xem xét đơn yêu cầu, các điều kiện khác theo quy định của Luật Phá sản để xử lý đơn, thụ lý đơn và quyết định việc mở hoặc không mở thủ tục phá sản. Đối với trường hợp này, Tòa án cần tham khảo các tài liệu chứng cứ về hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã kể từ sau khi có quyết định của Tòa án cấp trên giữ nguyên quyết định không mở thủ tục phá sản như báo cáo thuế, báo cáo tài chính...

15. Theo quy định tại Điều 45 Luật Phá sản thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm phán có trách nhiệm chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Tuy nhiên, sau khi được chỉ định, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản từ chối giải quyết vụ việc thì Thẩm phán xử lý như thế nào vì hiện nay chưa có quy định?

Khoản 1 Điều 46 Luật Phá sản quy định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thể bị Thẩm phán quyết định thay đổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau: *"c) Trường hợp bất khả kháng mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện được nhiệm vụ".*

Như vậy, khi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có đơn từ chối giải quyết vụ việc thì Thẩm phán xem xét, quyết định thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khi xét thấy có căn cứ chứng minh thuộc trường hợp bất khả kháng mà Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện được nhiệm vụ.

16. Trường hợp địa phương không có Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản hoặc Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản từ chối, địa phương không còn Quản tài viên nào khác thì Thẩm phán có được liên hệ với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ở địa phương khác không?

Luật Phá sản chỉ quy định Thẩm phán có quyền chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản mà không giới hạn phạm vi hoạt động của hai chủ thể này. Do đó, Thẩm phán có quyền chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ở địa phương khác.

17. Người nộp đơn được quyền đề nghị Thẩm phán chỉ định bao nhiêu Quản tài viên? Sau khi Thẩm phán đã ban hành quyết định chỉ định Quản tài viên, Quản tài viên này lại tiếp tục đề xuất Thẩm phán chỉ định thêm Quản tài viên có được không?

Khoản 3 Điều 26 Luật Phá sản quy định: *"3. Trường hợp có đề xuất chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thì đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ghi rõ tên, địa chỉ của Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản"*. Như vậy, Luật Phá sản không quy định cụ thể số lượng Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được chỉ định để tham gia giải quyết vụ việc phá sản. Vì vậy, căn cứ vào quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, tính chất phức tạp của vụ việc phá sản, người nộp đơn, Quản tài viên có quyền đề xuất Thẩm phán chỉ định thêm Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

18. Trong quá trình xem xét, giải quyết đơn đề nghị xem xét lại, kháng nghị đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản thì có trường hợp Viện kiểm sát rút quyết định kháng nghị, người có đơn đề nghị xem xét lại quyết định rút đơn đề nghị xem xét lại đối với quyết định mở, không mở thủ tục phá sản. Khoản 7 Điều 44 Luật Phá sản không quy định thẩm quyền của Tổ Thẩm phán về đình chỉ giải quyết đơn yêu cầu, kháng nghị đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản; trường hợp này Tổ Thẩm phán phải ra quyết định nào?

Khoản 7 Điều 44 Luật Phá sản về giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản quy định như sau:

"... 7. Tổ Thẩm phán có quyền ra một trong các quyết định sau:

a) Giữ nguyên quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản;

b) Hủy quyết định không mở thủ tục phá sản và giao cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định không mở thủ tục phá sản xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản;

c) Hủy quyết định mở thủ tục phá sản và thông báo cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định mở thủ tục phá sản và những người tham gia thủ tục phá sản..."

Như vậy, trường hợp Viện kiểm sát quyết định rút kháng nghị, người yêu cầu rút đơn yêu cầu xem xét lại đối với quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản thì Tổ Thẩm phán căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 7 Điều 44 Luật Phá sản ra quyết định giữ nguyên Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản.

Trường hợp giữ nguyên Quyết định mở thủ tục phá sản thì Tổ Thẩm phán phải chuyển hồ sơ về cho Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản để giải quyết phá sản theo thủ tục chung.

19. Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, Tòa án áp dụng quy định của Luật Phá sản hay Bộ luật Tố tụng dân sự để xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu?

Khoản 1 Điều 3 Luật Phá sản quy định Luật Phá sản được áp dụng khi giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 207 Luật Doanh nghiệp quy định việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, Tòa án áp dụng quy định của Luật Phá sản để xem xét tuyên bố giao dịch vô hiệu.

20. Quyết định tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu trong quá trình giải quyết phá sản có được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm của Bộ luật Tố tụng dân sự hay không?

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Luật Phá sản thì:

"3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, bên giao kết với doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền làm đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu, Chánh án Tòa án nhân dân đã ra quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu phải ra một trong các quyết định sau:

a) Không chấp nhận đề nghị xem xét lại quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu;

b) Hủy bỏ quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu. Trường hợp có tranh chấp thì được giải quyết theo quy định tại Chương X của Luật này".

Do đó, Quyết định tuyên bố giao dịch vô hiệu được xem xét lại theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 Luật Phá sản mà không áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

21. Khi tuyên bố giao dịch vô hiệu theo quy định của Luật Phá sản, Tòa án có phải giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu không và giải quyết như thế nào?

Điểm b khoản 1 Điều 60 Luật Phá sản quy định: *"b) Tuyên bố giao dịch vô hiệu, hủy bỏ các biện pháp bảo đảm và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quy định của pháp luật."*

Như vậy, khi tuyên bố giao dịch vô hiệu Tòa án phải giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quy định của pháp luật, cụ thể Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

22. Theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Phá sản thì Hội nghị chủ nợ được tổ chức hợp lệ với số chủ nợ tham gia đại diện cho 51% tổng số nợ không có bảo đảm và 100% chủ nợ có mặt thống nhất tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Vậy Hội nghị chủ nợ có thông qua được Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ về việc tuyên bố doanh nghiệp phá sản không?

Khoản 2 Điều 81 Luật Phá sản quy định: *"Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành"*. Vậy trường hợp này, Hội nghị chủ nợ được tổ chức hợp lệ thành công nhưng không thông qua được Nghị quyết của Hội nghị chủ

nợ và thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Phá sản thì Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định Điều 106 Luật Phá sản.

23. Trường hợp sau khi mở thủ tục phá sản mà người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu thì Tòa án có được đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản không?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Phá sản về đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản thì kể từ ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản đến trước ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán thì Tòa án nhân dân ra quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản. Như vậy, sau khi mở thủ tục phá sản mà người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản rút đơn yêu cầu thì giải quyết như sau:

Trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là chủ nợ duy nhất hoặc tất cả các chủ nợ đều thống nhất việc rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì Tòa án xem xét quyết định đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Phá sản nếu có căn cứ xác định doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản đã thanh toán hết nợ cho tất cả các chủ nợ hoặc có thỏa thuận giữa các chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã về việc gia hạn trả nợ. Trường hợp này cần phải coi là doanh nghiệp, hợp tác xã không mất khả năng thanh toán vì không còn khoản nợ đến hạn chưa thanh toán.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã còn có những chủ nợ khác thì Tòa án căn cứ kết quả triệu tập Hội nghị chủ nợ, Nghị quyết Hội nghị chủ nợ để có cơ sở xác định doanh nghiệp, hợp tác xã có thực sự mất khả năng thanh toán hay không để quyết định theo Điều 86 Luật Phá sản.

24. Trường hợp doanh nghiệp có khoản nợ đến hạn mà không thanh toán cho chủ nợ trong thời hạn 03 tháng và chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Thẩm phán nhận thấy doanh nghiệp vẫn hoạt động kinh doanh tốt, có lợi nhuận thì có ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đó không?

Việc doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh tốt, có lợi nhuận không có nghĩa là doanh nghiệp, hợp tác xã đó không mất khả năng thanh toán vì theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản thì doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Như vậy, mặc dù doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh tốt, có lợi nhuận nhưng có khoản nợ đến hạn trong thời gian 03 tháng mà không trả nợ (mất khả năng thanh toán) thì Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 42 Luật Phá sản.

25. Chi phí phá sản có cần thiết phải nêu trong Quyết định tuyên bố phá sản không?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 54, điểm h khoản 1 Điều 108 Luật Phá sản thì chi phí phá sản phải được nêu trong phần phương án phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản của Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Tuy nhiên, Thẩm phán không phải nêu cụ thể số tiền chi phí phá sản. Bởi lẽ, chi phí phá sản là khoản tiền phải chi trả cho việc giải quyết phá sản, bao gồm chi phí Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chi phí kiểm toán, chi phí đăng báo và các chi phí khác theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản thì cơ quan thi hành án tiến hành việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Ở giai đoạn thi hành quyết định tuyên bố phá

sản doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn tiếp tục phát sinh chi phí phá sản. Do đó, Tòa án không thể xác định được chính xác số tiền chi phí phá sản ở thời điểm ra quyết định tuyên bố phá sản.

26. Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị yêu cầu mở thủ tục phá sản phải trả nợ theo bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật nhưng bản án đó đã bị cấp giám đốc thẩm hủy và giao sơ thẩm xét xử lại thì có phải nhập vào vụ việc phá sản để giải quyết hay tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự?

Trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm được giao giải quyết lại vụ án dân sự phải tạm đình chỉ, đình chỉ và chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án đang tiến hành thủ tục phá sản để giải quyết theo quy định tại Điều 41 và Điều 71 Luật Phá sản.

27. Trong trường hợp bản án sơ thẩm bị kháng cáo mà một bên đương sự trong bản án này là doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án khác ra quyết định mở thủ tục phá sản thì Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự hay ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án để nhập vào vụ việc phá sản để giải quyết?

Theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 71 Luật Phá sản thì nếu vụ án dân sự đang được giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án, nếu Tòa án cấp phúc thẩm đang giải quyết thì Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ.

Trường hợp vụ án dân sự có kháng cáo mà một trong các bên đương sự là doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán đã được Tòa án khác ra quyết định mở thủ tục phá sản thì cần phân biệt doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là nguyên đơn, bị đơn hay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án? Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án thì Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục tiến hành thụ lý vụ án dân sự trên. Sau đó, Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự đó để chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án đang tiến hành thủ tục phá sản để tiếp tục giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Phá sản.

Nếu đương sự là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bị yêu cầu tuyên bố phá sản thì theo nguyên tắc họ không phải là người trực tiếp bị kiện trong vụ án dân sự, việc xác định quyền và nghĩa vụ của họ đến đâu phụ thuộc vào tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Do vậy trường hợp này Tòa án vẫn giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung. Bản án có hiệu lực xác định quyền, nghĩa vụ của họ đến đâu thì phần đó sẽ được chuyển vào việc phá sản để giải quyết (lúc này thì người có quyền hoặc có nghĩa vụ sẽ trở thành chủ nợ hoặc con nợ trong vụ việc phá sản).

28. Trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố phá sản mà phát sinh tranh chấp về tài sản của người tham gia thủ tục phá sản thì Tòa án giải quyết như thế nào? Có phải thụ lý thành một vụ án khác không?

Theo quy định tại Điều 115 Luật Phá sản thì trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản mà phát sinh tranh chấp thì người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị Tòa án nhân dân đã giải quyết vụ việc phá sản xem xét. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người tham gia thủ tục phá sản, Tòa án đã giải quyết vụ việc phá sản phải ra văn bản trả lời không chấp nhận đề nghị của người tham gia thủ tục phá sản hoặc chuyển đơn đến người có thẩm quyền để xem xét kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp không đồng ý với văn bản trả lời không chấp nhận đề nghị thì người tham gia thủ tục phá sản có quyền đề nghị người có

thẩm quyền xem xét kháng nghị quyết định tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật. Tòa án không phải thụ lý thành một vụ án khác.

29. Đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án nhân dân thụ lý trước ngày Luật Phá sản năm 2014 có hiệu lực (01-01-2015) mà đang thực hiện thủ tục thanh lý tài sản thì có được ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của Luật Phá sản năm 2014 hay không?

Theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Luật Phá sản năm 2014 thì *"đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án nhân dân thụ lý trước ngày Luật Phá sản năm 2014 có hiệu lực mà chưa ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản thì áp dụng quy định của Luật này để tiếp tục giải quyết".*

Vậy trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã đang thực hiện thủ tục thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản năm 2004 thì Tòa án xem xét, quyết định việc ra quyết định tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đó theo Luật Phá sản năm 2014.

30. Đối với vụ việc phá sản được thụ lý trước thời điểm Luật Phá sản năm 2014 có hiệu lực, Tổ Quản lý, thanh lý tài sản có tiếp tục được giải quyết vụ việc phá sản sau khi Luật Phá sản năm 2014 có hiệu lực hay không hay phải chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thay thế?

Điều 28 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản quy định như sau:

"Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án nhân dân thụ lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà đã thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản số 21/2004/QH11, nếu đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà Tổ quản lý, thanh lý tài sản chưa thực hiện xong nhiệm vụ, quyền hạn của mình thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với vụ việc phá sản đó.

Trường hợp Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản chỉ định được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 và Nghị định này đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản nêu trên thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản chấm dứt hoạt động và bị giải thể theo quy định của Luật Phá sản số 21/2004/QH11. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản đối với vụ việc phá sản đó, trừ phần công việc mà Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phá sản số 21/2004/QH11. Kết quả công việc do Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện được công nhận và có giá trị sử dụng theo quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13.

2. Đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản đã được Tòa án nhân dân thụ lý trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 mà chưa thành lập Tổ quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản số 21/2004/QH11, đến ngày 01 tháng 01 năm 2015, Thẩm phán tiến hành thủ tục phá sản chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản số 51/2014/QH13 và Nghị định này".

Như vậy, đối với trường hợp nêu trên, Tổ quản lý, thanh lý tài sản có thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với vụ việc phá sản đó. Trường hợp Thẩm phán tiến hành thủ

tục phá sản chỉ định được Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Phá sản năm 2014 và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP đối với yêu cầu mở thủ tục phá sản nêu trên thì Tổ quản lý, thanh lý tài sản chấm dứt hoạt động và bị giải thể theo quy định của Luật Phá sản năm 2004. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản đối với vụ việc phá sản đó, trừ phần công việc mà Tổ quản lý, thanh lý tài sản đã thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phá sản năm 2004. Kết quả công việc do Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện được công nhận và có giá trị sử dụng theo quy định của Luật Phá sản năm 2014.

Trên đây là kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc của Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao thông báo để các Tòa án nghiên cứu, tham khảo trong quá trình giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền.

IV. THAM KHẢO TÀI LIỆU LIÊN QUAN

1. Luật sư FDVN, Tổng hợp 11 Quyết định xem xét lại Quyết định mở/không mở/tuyên bố phá sản. https://fdvn.vn/tong-hop-11-quyet-dinh-xem-xet-lai-quyet-dinh-mo-khong-mo-tuyen-bo-pha-san/.

2. Luật sư FDVN, Tổng hợp 20 bài báo pháp lý về phá sản doanh nghiệp. https://fdvn.vn/tong-hop-20-bai-bao-phap-ly-ve-pha-san-doanh-nghiep/.

3. Luật sư FDVN, Thông báo rút kinh nghiệm số 467/TB-VKTC ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc kiểm sát giải quyết đối với vụ việc phá sản doanh nghiệp. https://fdvn.vn/thong-bao-rut-kinh-nghiem-trong-giai-quyet-vu-viec-yeu-cau-tuyen-bo-pha-san/.

4. Luật sư FDVN, Thông báo rút kinh nghiệm số 108/TB-VC1-V4 ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc hủy Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản. https://fdvn.vn/thong-bao-rut-kinh-nghiem-so-108-tb-vc1-v4-ve-viec-huy-quyet-dinh-tuyen-bo-doanh-nghiep-pha-san/.

5. Luật sư FDVN, Thông báo số 08/TB-VC2-V4 ngày 10/1/2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án phá sản doanh nghiệp. https://fdvn.vn/wp-content/uploads/2024/01/luu-ban-nhap-tu-dong-3-1.pdf.

6. Luật sư FDVN, Thông báo rút kinh nghiệm: Vi phạm trong việc ban hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản. https://fdvn.vn/thong-bao-rut-kinh-nghiem-vi-pham-trong-viec-ban-hanh-quyet-dinh-tuyen-bo-doanh-nghiep-pha-san/.

7. Luật sư FDVN, "Hiểu thế nào là doanh nghiệp mất khả năng thanh toán để yêu cầu phá sản" https://fdvn.vn/hieu-the-nao-la-doanh-nghiep-mat-kha-nang-thanh-toan-de-yeu-cau-pha-san/.

8. Trần Thị Thu Hà, Luận án Tiến sĩ "Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ theo pháp luật phá sản Việt Nam". https://fdvn.vn/luan-an-tien-si-thu-tuc-phuc-hoi-hoat-dong-kinh-doanh-cua-doanh-nghiep-mat-kha-nang-thanh-toan-no-theo-phap-luat-pha-san-viet-nam-3/.

V. MẪU ĐƠN KÈM THEO

1. Mẫu đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày….tháng…..năm …….

ĐƠN YÊU CẦU
MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP
(Đối với Công ty/Hợp tác xã……)

Kính gửi: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Người yêu cầu mở thủ tục phá sản:

CCCD số : .....

Địa chỉ : .....

Địa chỉ liên lạc : .....

Điện thoại : .....

Là .....

Doanh nghiệp bị yêu cầu mở thủ tục phá sản : CÔNG TY/HỢP TÁC XÃ…..

Mã số thuế : .....

Địa chỉ : .....

Người đại diện : ……Chức vụ: ……..…….

Số điện thoại : .....

I. CĂN CỨ YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

.....

……...

……...

……...

II. YÊU CẦU GIẢI QUYẾT

Căn cứ các nội dung trình bày nêu trên, với tư cách là ……kính đề nghị Quý Tòa án nhân dân khu vực…….xem xét mở thủ tục phá sản đối với Công ty/Hợp tác xã …..(*mã số thuế……; địa chỉ tại:……*)

Kính đề nghị Quý Toà án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Trân trọng cảm ơn!

III. TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ KÈM THEO ĐƠN YÊU CẦU

1. .....

2. .....

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Mẫu đơn khiếu nại giải quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ....

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi: CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN .....

Người khiếu nại : .....
Địa chỉ : .....
Mã số thuế : .....
Người đại diện : Ông.....Chức vụ: .....
Người bị khiếu nại : .....
Hành vi khiếu nại : Hành vi .....

I. NỘI DUNG KHIẾU NẠI

.....

.....

.....

.....

II. ĐỀ NGHỊ XEM XÉT GIẢI QUYẾT

.....

.....

Kính đề nghị giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Trân trọng!

III. TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ KÈM THEO ĐƠN YÊU CẦU

1. .....;

NGƯỜI KHIẾU NẠI

(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Mẫu đơn đề nghị xem xét lại Quyết định mở/không mở phá sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng ….. năm …

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT LẠI
QUYẾT ĐỊNH KHÔNG MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

Kính gửi: ……

Người đề nghị :
Địa chỉ :
Mã số thuế :
Người đại diện :
Điện thoại :

Nay bằng văn bản này, chúng tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân ….xem xét lại các vấn đề cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ YÊU CẦU XEM XÉT LẠI

1. Tóm tắt Quyết định mở/không mở phá sản của Tòa án nhân dân…..

2. Các cơ sở xem xét Quyết định mở/không mở phá sản của Tòa án nhân dân…..

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ XEM XÉT LẠI

Từ những gì mà chúng tôi đã phân tích,……

Vì vậy, nay tôi/chúng tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết:

- Xem xét lại và hủy Quyết định không mở/mở thủ tục phá sản số .....ngày …/…/…của Tòa án nhân dân ……..đối với Công ty/Hợp tác xã…….

- Giao cho Tòa án nhân dân ……..xem xét ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với Công ty/Hợp tác xã…….theo quy định.

Kính mong Quý Tòa án nhân dân ……sớm xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

III. TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ KÈM THEO ĐƠN YÊU CẦU

1. Thông báo thụ lý số …….của Tòa án nhân dân ……..(Bản sao);

2. Quyết định không mở/mở thủ tục phá sản số …….ngày 25/09/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh …….(bản sao);

3. Hồ sơ tài liệu liên quan……

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)